

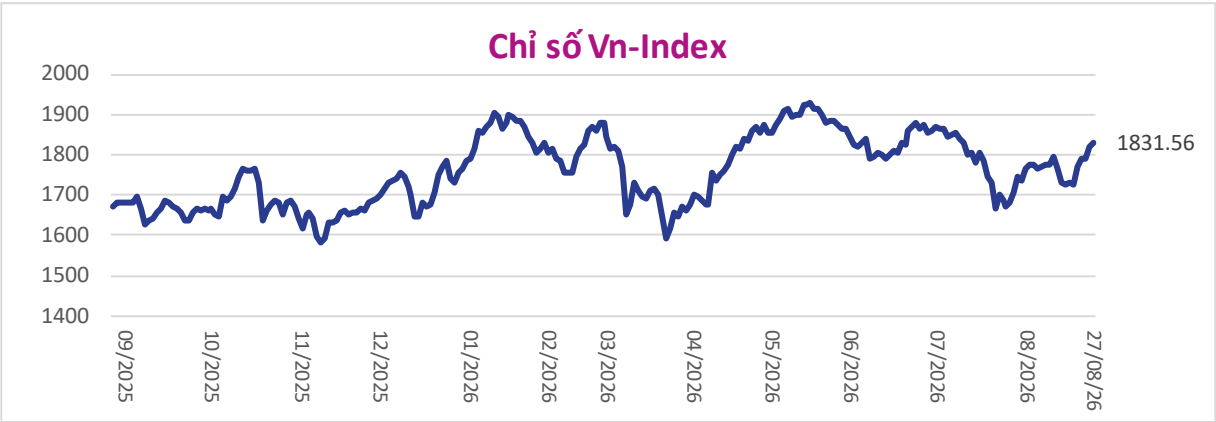
# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## CUỐI NGÀY



## Tổng quan thị trường

1831.56 10.24 0.56%

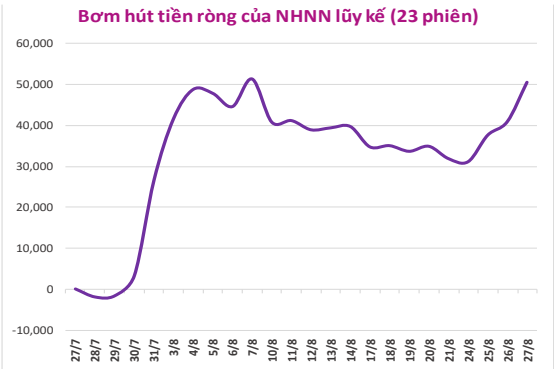
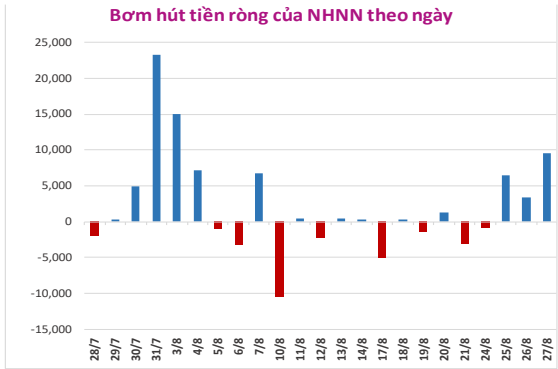


Kết thúc phiên giao dịch ngày 27/08/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1831,56 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 10,24 điểm, và đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường giảm so với phiên giao dịch trước, đồng thời khối lượng giao dịch cũng thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: TCB(+1,9%), VIC(+2,6%), VPB(+2,4%), trong khi đó mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: GVR(-1,3%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV đều đang trong xu hướng tăng.

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -1.936 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -94.159 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch ngày 27/08, khối ngoại đã chuyển sang mua ròng 210 tỷ đồng.

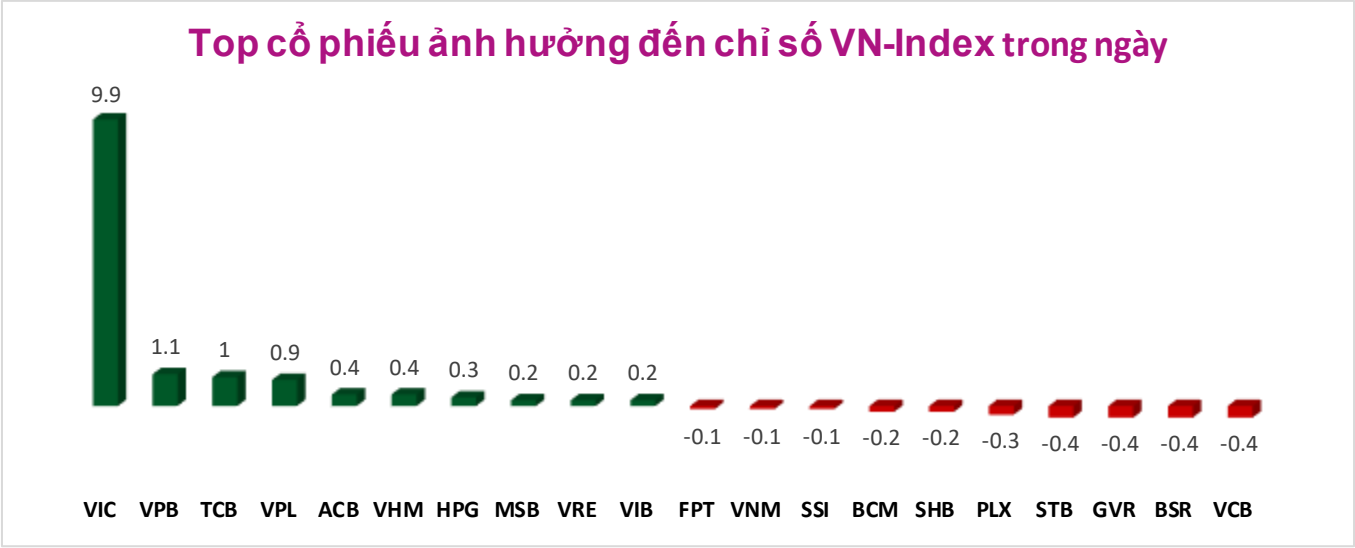
Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã bơm 9.596 tỷ đồng. Như vậy, NHNN vừa chuyển sang bơm ròng 3 phiên liên tiếp, phản ánh nỗ lực hỗ trợ thanh khoản sau giai đoạn hút tiền.

## Bơm hút tiền của Ngân Hàng Nhà Nước



# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

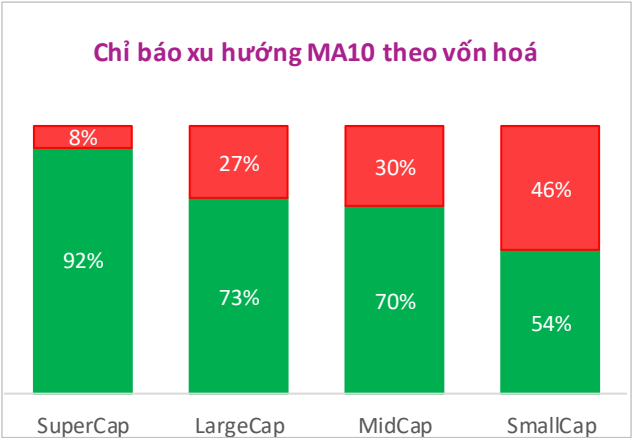
## Nhóm dẫn dắt thị trường



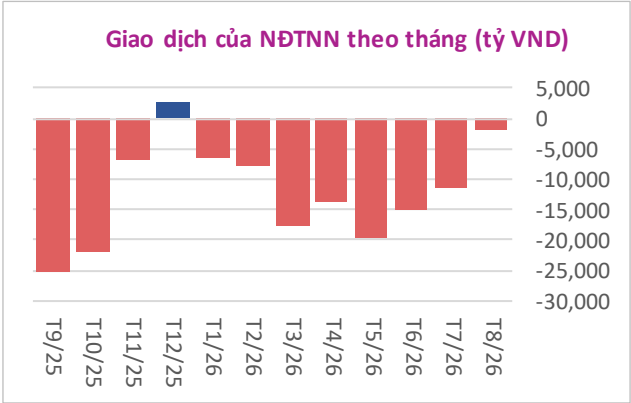
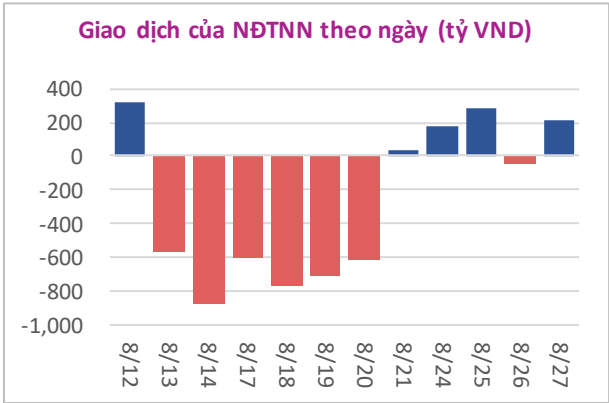
## Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành

|             |                |               |
|-------------|----------------|---------------|
| Ngân hàng ↑ | Bất động sản ↓ | Chứng khoán ↑ |
| Thép ↑      | Phân bón       | Công nghệ ↓   |
| Dầu khí ↑   | Khu CN ↑       | Thủy sản ↑    |
| Bảo hiểm ↓  | Xây dựng ↑     | Cảng biển ↓   |
| Mía đường ↑ | Bán lẻ ↑       | Dệt may ↓     |

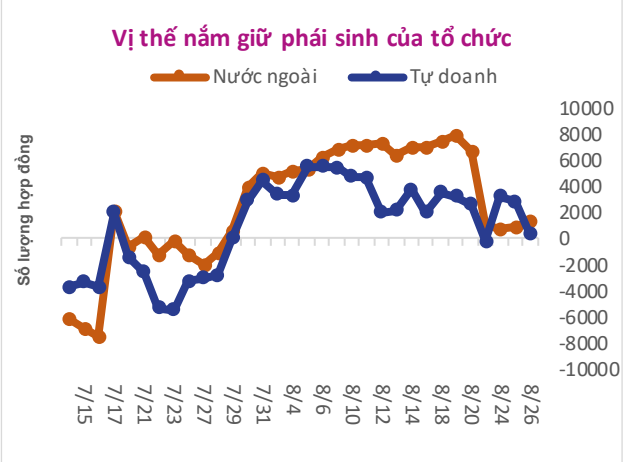
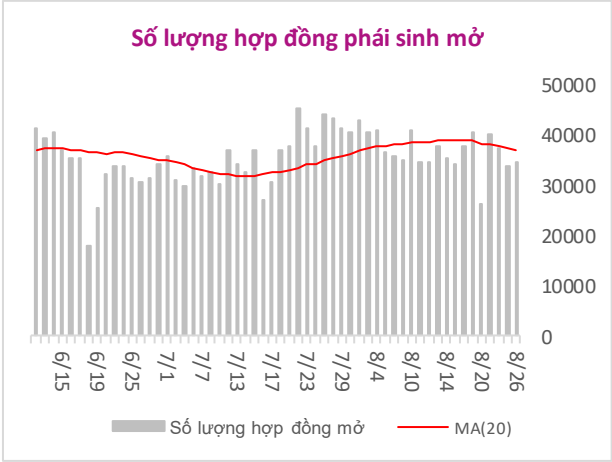


## Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Thị trường phái sinh VN30

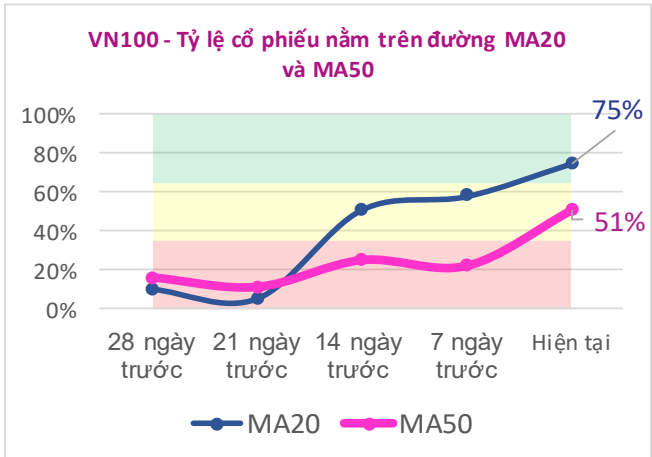


Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

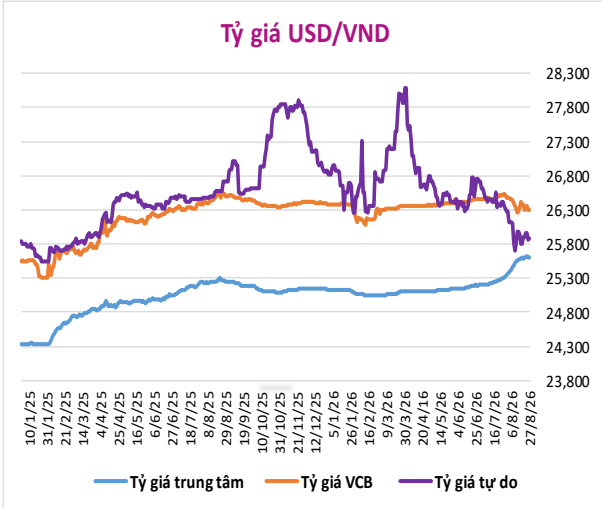
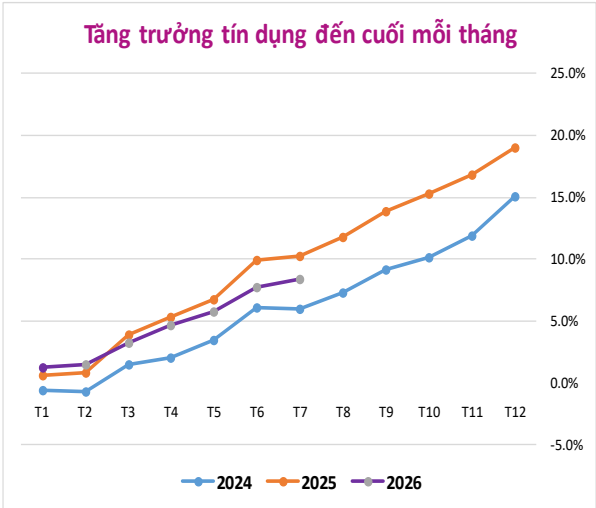
## Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

|             |            |            |            |            |
|-------------|------------|------------|------------|------------|
| VIC (+42.3) | SJS (+7.3) | PNJ (+5.7) | VHM (+5.4) | VPI (+5.0) |
| MWG (+4.0)  | VJC (+3.9) | TCB (+3.9) | GMD (+3.5) | BCM (+3.4) |
| VPL (+3.1)  | VPB (+3.1) | FPT (+3.0) | VCB (+2.9) | TCH (+2.7) |
| MSN (+2.6)  | SSI (+2.5) | VCI (+2.4) | VRE (+2.3) | BVH (-3.5) |

## Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50



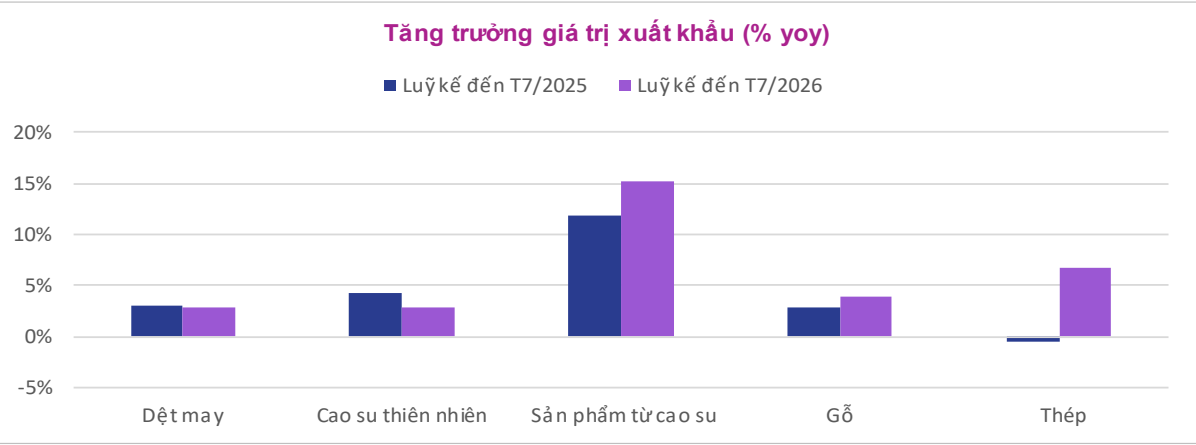
## Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá



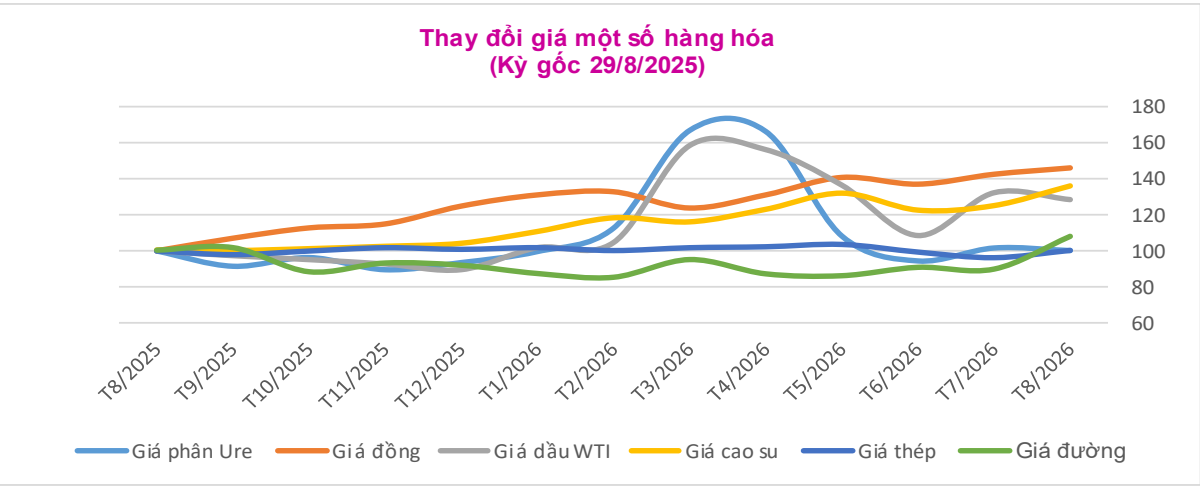
## Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

| Chỉ tiêu                       | 05/2026 | 06/2026 | 07/2026 | Nhận xét                                                                                            |
|--------------------------------|---------|---------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chỉ số PMI                     | 52.8    | 51.8    | 52.9    | PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 7 đạt mức cao nhất của năm tháng gần nhất                  |
| Sản xuất công nghiệp (YoY)     | 10.1%   | 12.7%   | 14.5%   | Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 đạt cao nhất sáu tháng |
| Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY) | 11.8%   | 14.8%   | 14.5%   | Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 tiếp tục tăng trưởng trên 14%            |
| Kim ngạch xuất khẩu (YoY)      | 18.0%   | 28.1%   | 25.5%   | Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao                                                              |
| Kim ngạch nhập khẩu (YoY)      | 33.8%   | 45.7%   | 41.7%   | Duy trì tăng trưởng cao; tháng 7 tiếp tục trên 40%, nhưng nhập siêu tháng thứ tám liên tiếp         |
| Tỷ lệ lạm phát (YoY)           | 5.6%    | 4.7%    | 4.5%    | Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng tiếp tục có phần hạ nhiệt so với 4 tháng trước đó                     |
| Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)       | 0.1%    | 0.3%    | 0.09%   | Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây                                                             |

## Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



## Diễn biến giá một số loại hàng hoá



ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

**Lạm phát Mỹ cao hơn dự báo, gia tăng sức ép đối với quyết định lãi suất của Fed:** Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 7 của Mỹ vừa công bố tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước, trong khi PCE lõi tăng 3,3%. Việc áp lực giá cả duy trì ở mức cao và vượt dự báo của giới phân tích cho thấy lạm phát vẫn cách khá xa mục tiêu 2% dài hạn của Fed. Diễn biến lạm phát dai dẳng đang gia tăng sức ép đáng kể lên Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) trước hội nghị thường niên Jackson Hole và cuộc họp chính sách tháng 9. Dù phần lớn kỳ vọng Fed sẽ giữ nguyên mặt bằng lãi suất ở vùng 3,5%–3,75%, xác suất cơ quan này phải tiếp tục nâng thêm 25 điểm cơ bản đã tăng lên mức 40,1% để kiềm chế đà tăng giá. (Nguồn: stockbiz.vn)



TIN QUỐC TẾ

**IMF cảnh báo nguy cơ tụt hậu về AI ở các nền kinh tế đang phát triển:** Tổng giám đốc Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) Kristalina Georgieva vừa đưa ra cảnh báo về nguy cơ tụt hậu lớn đối với các quốc gia đang phát triển trong làn sóng trí tuệ nhân tạo (AI). Dù kinh tế toàn cầu đang hưởng lợi từ làn sóng đầu tư AI, thế giới vẫn đối mặt với các lực cản lớn như nợ công cao, lạm phát dai dẳng và cú sốc năng lượng. Sự bất đối xứng trong chuỗi giá trị công nghệ khiến khoảng cách phát triển giữa các nền kinh tế có nguy cơ bị nới rộng. Do đó, hội nghị thường niên sắp tới của IMF và WB tại Bangkok sẽ tập trung giải pháp nâng cao sức chống chịu và hỗ trợ các nước thu hẹp khoảng cách này. (Nguồn: vietstock.vn)

**Niềm tin của người tiêu dùng Mỹ giảm xuống mức thấp nhất 7 tháng:** Theo Conference Board, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Mỹ tháng 8/2026 đã giảm xuống 89,4 điểm từ mức 90,2 điểm của tháng 7, chạm mức thấp nhất trong 7 tháng qua. Tâm lý người dân trở nên bi quan chủ yếu do căng thẳng xung đột tại Iran tiếp tục đẩy giá xăng leo thang vượt 4 USD/gallon, cùng áp lực dai dẳng từ giá thực phẩm và rủi ro thương mại. Dù đánh giá về thị trường lao động hiện tại có cải thiện nhẹ, kỳ vọng của người tiêu dùng trong 6 tháng tới lại suy giảm rõ rệt. Bức tranh việc làm chịu thêm sức ép khi số liệu tháng 7 ghi nhận các nhà tuyển dụng cắt giảm 23.000 việc làm và các tháng trước bị điều chỉnh giảm. (Nguồn: vietstock.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

**Thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận một phiên giao dịch giằng co khi cả ba chỉ số chủ chốt đồng loạt đóng cửa trong sắc đỏ trước tâm lý thận trọng của giới đầu tư.** Cụ thể, chỉ số Dow Jones chịu áp lực giảm mạnh nhất khi mất 113,52 điểm, tương đương 0,21%, lùi về mốc 53.463,88 điểm. Chỉ số S&P 500 biến động sát giá tham chiếu và giảm nhẹ 1,58 điểm, tương ứng 0,02%, chốt phiên ở mức 7.675,70 điểm. Trong khi đó, Nasdaq chịu áp lực điều chỉnh nhóm công nghệ, giảm 21,10 điểm, tức 0,08%, dừng tại 26.130,20 điểm. Sự thận trọng tại Phố Wall cho thấy xu hướng tích lũy và thăm dò chiếm ưu thế, tạo nên bức tranh trái chiều với đà tăng tại châu Á. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường dầu mỏ thế giới duy trì xu hướng biến động giằng co quanh vùng giá cao do sự đan xen giữa rủi ro địa chính trị và triển vọng tiêu thụ toàn cầu.** Hiện tại, giá dầu Brent dao động quanh mốc 86–87 USD/thùng, trong khi dầu WTI giao dịch sát vùng 82–85 USD/thùng. Áp lực nguồn cung thắt chặt cùng căng thẳng tại khu vực Trung Đông tiếp tục là bệ đỡ vững chắc, khiến cấu trúc thị trường duy trì trạng thái bù hoàn bán. Tuy nhiên, đà bất phá vẫn bị kìm hãm bởi mối lo về tốc độ phục hồi kinh tế và mặt bằng lãi suất cao. Giới đầu tư nhìn chung đang giao dịch thận trọng, chờ đợi thêm báo cáo tồn kho và quyết định OPEC+. (Nguồn: VIX tổng hợp)

**Thị trường vàng thế giới duy trì xu hướng tích lũy quanh vùng đỉnh lịch sử khi giới đầu tư cân nhắc giữa rủi ro địa chính trị và định hướng lãi suất từ Fed.** Giá vàng giao ngay dao động sát mốc 4.600 USD/ounce, chịu áp lực chốt lời ngắn hạn từ lực cản kỹ thuật nhưng vẫn được nâng đỡ bởi dòng tiền trú ẩn. Tại thị trường trong nước, giá vàng miếng SJC bám sát đà biến động quốc tế, giao dịch quanh ngưỡng 147,3 triệu đồng/lượng chiều mua vào và 150,3 triệu đồng/lượng chiều bán ra. Vàng nhẫn 9999 cũng neo ở mức cao kỷ lục, phản ánh nhu cầu tích trữ tài sản bền bỉ của người dân. Giới phân tích nhận định thị trường đang chờ tín hiệu kinh tế mới để bất phá. (Nguồn: VIX tổng hợp)

| CHỈ SỐ        | ĐIỂM     | +/-     | +/- (%) |
|---------------|----------|---------|---------|
| Dow Jones     | 53463.88 | -113.52 | -0.21   |
| S&P 500       | 7675.70  | -1.58   | -0.02   |
| Nasdaq        | 26130.20 | -21.10  | -0.08   |
| FTSE100       | 10878.12 | -8.04   | -0.07   |
| Euro Stoxx 50 | 6475.05  | 19.42   | 0.30    |
| DAX           | 26285.96 | 19.82   | 0.08    |
| Nikkei 225    | 67084.50 | 1228.07 | 1.86    |
| Shanghai      | 3912.52  | 23.08   | 0.59    |
| KOSPI         | 6808.21  | 65.47   | 0.97    |

TIN TRONG NƯỚC

**Quy mô gói cho vay ưu đãi lãi suất thấp đã lên tới hơn 400.000 tỷ:** Theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, 12 ngân hàng thương mại đã đồng loạt triển khai các gói tín dụng ưu đãi với tổng quy mô lên đến 408.000 tỷ đồng. Nguồn vốn này tập trung hỗ trợ các động lực tăng trưởng kinh tế và nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong đó, nhóm 4 ngân hàng quốc doanh góp 220.000 tỷ đồng, dẫn đầu là Agribank với 70.000 tỷ đồng, cùng Vietcombank, BIDV và VietinBank mỗi bên 50.000 tỷ đồng. Ngoài ra, 8 ngân hàng thương mại cổ phần cũng cam kết khoảng 188.000 tỷ đồng. Mức lãi suất cho vay của các gói ưu đãi được giảm tối thiểu 1%/năm so với biểu lãi suất bình quân tương ứng của từng nhà băng. Động thái chủ động này giúp khơi thông dòng vốn, tiết giảm chi phí và đồng hành cùng doanh nghiệp. (Nguồn: vietnambiz.vn)

**Kinh tế Việt Nam trước bước chuyển mô hình tăng trưởng:** Sau 4 thập niên Đổi Mới, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước bước chuyển mô hình tăng trưởng quan trọng khi GDP duy trì đà tăng 8,18% nửa đầu năm 2026. Nhằm bổ sung cho các động lực truyền thống từ FDI và xuất khẩu, Việt Nam đang đẩy mạnh làn sóng cải cách mới với trọng tâm tinh gọn bộ máy hành chính, hoàn thiện thể chế, mở rộng đầu tư hạ tầng và phát triển thị trường vốn. Theo đánh giá từ WB, IMF và OECD, để hướng tới mục tiêu thu nhập cao vào năm 2045, động lực tăng trưởng cần dịch chuyển sang đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất và tăng cường liên kết sâu rộng giữa khối doanh nghiệp nội địa với các tập đoàn FDI. (Nguồn: stockbiz.vn)

# TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

## Danh mục theo dõi trung hạn

| STT | Mã  | Ngành           | Chỉ số cơ bản |             |                  |                  | Chỉ số định giá       |                       |            |        | Giá thị trường (27/8/26) |         |         |
|-----|-----|-----------------|---------------|-------------|------------------|------------------|-----------------------|-----------------------|------------|--------|--------------------------|---------|---------|
|     |     |                 | % LNST        | % LNST      | Biên lợi         | Biên lợi         | ROE Chỉ số            | ROA Chỉ số            | Book Value | EPS    |                          | P/B     | P/E     |
|     |     |                 | Q1/26 (YoY)   | Q2/26 (YoY) | nhuận ròng Q1/26 | nhuận ròng Q2/26 | (TTM) Năm: 2025 (TTM) | (TTM) Năm: 2026 (TTM) |            |        |                          |         |         |
| 1   | ACB | Ngân hàng       | 10.6%         | -38.7%      | 51.1%            | 33.9%            | 17.6%                 | 1.7%                  | 18,401     | 3,042  | 1.23                     | 7.4     | 22,600  |
| 2   | ANV | Thủy sản        | 915.5%        | 4610.8%     | 14.2%            | 11.9%            | 31.6%                 | 18.7%                 | 13,226     | 3,748  | 1.30                     | 4.6     | 17,250  |
| 3   | BFC | Phân bón        | 14.0%         | -29.9%      | 3.6%             | 2.8%             | 19.3%                 | 8.6%                  | 29,657     | 7,003  | 1.61                     | 6.8     | 47,750  |
| 4   | BID | Ngân hàng       | 16.7%         | 45.3%       | 28.8%            | 38.2%            | 18.8%                 | 1.0%                  | 24,726     | 4,342  | 1.49                     | 8.5     | 36,950  |
| 5   | BMP | VLXD            | 21.0%         | 13.2%       | 22.9%            | 20.3%            | 44.0%                 | 37.4%                 | 35,151     | 15,010 | 4.10                     | 9.6     | 144,000 |
| 6   | BSR | Dầu khí         | 175.1%        | 3739.7%     | 2.6%             | 8.1%             | 8.9%                  | 6.0%                  | 12,079     | 1,036  | 2.19                     | 25.6    | 26,500  |
| 7   | CTD | Xây dựng        | 217.2%        | 117.8%      | 4.0%             | 2.3%             | 8.6%                  | 2.5%                  | 90,563     | 7,540  | 0.69                     | 8.3     | 62,800  |
| 8   | CTG | Ngân hàng       | 63.9%         | 12.3%       | 37.8%            | 47.4%            | 21.1%                 | 1.3%                  | 23,129     | 4,488  | 1.38                     | 7.1     | 31,900  |
| 9   | CTR | Xây dựng        | 15.5%         | 8.8%        | 4.3%             | 4.1%             | 30.5%                 | 7.8%                  | 18,086     | 5,242  | 4.26                     | 14.7    | 77,000  |
| 10  | DCM | Phân bón        | 171.9%        | 16.6%       | 11.0%            | 10.3%            | 18.7%                 | 11.7%                 | 20,390     | 3,706  | 1.52                     | 8.4     | 31,000  |
| 11  | DGW | Bán lẻ          | 39.2%         | 10.3%       | 2.3%             | 2.0%             | 16.9%                 | 5.5%                  | 15,690     | 2,508  | 2.75                     | 17.2    | 43,100  |
| 12  | DHA | Khai thác đá    | 111.3%        | 146.3%      | 32.8%            | 18.4%            | 24.0%                 | 21.7%                 | 32,319     | 7,258  | 1.58                     | 7.1     | 51,200  |
| 13  | FOX | Viễn thông      | 26.2%         | 22.8%       | 18.4%            | 17.3%            | 31.2%                 | 13.7%                 | 15,202     | 4,719  | 4.22                     | 13.6    | 64,100  |
| 14  | FPT | Phần mềm        | 17.1%         | 19.5%       | 16.9%            | 14.8%            | 23.6%                 | 11.7%                 | 25,683     | 6,590  | 2.81                     | 11.0    | 72,200  |
| 15  | GAS | Dầu khí         | 1.3%          | -32.4%      | 7.3%             | 3.2%             | 17.7%                 | 13.0%                 | 28,038     | 4,796  | 3.01                     | 17.6    | 84,300  |
| 16  | GEG | Điện            | 267.5%        | 676.3%      | 11.9%            | 16.3%            | 11.5%                 | 4.6%                  | 15,665     | 2,282  | 0.81                     | 5.5     | 12,650  |
| 17  | GMD | Dịch vụ         | -3.6%         | 76.4%       | 27.7%            | 40.9%            | 11.7%                 | 8.9%                  | 34,842     | 5,162  | 2.29                     | 15.46   | 79,800  |
| 18  | HAG | Nông nghiệp     | 23.1%         | 345.5%      | 22.8%            | 50.7%            | 18.1%                 | 8.6%                  | 11,191     | 1,762  | 1.27                     | 8.06    | 14,200  |
| 19  | HDG | Bất động sản    | 85.0%         | 482.5%      | 47.2%            | 42.2%            | 9.0%                  | 4.9%                  | 22,644     | 2,570  | 0.73                     | 6.42    | 16,500  |
| 20  | HHV | Xây dựng        | 23.3%         | 58.1%       | 16.7%            | 16.7%            | 5.1%                  | 1.5%                  | 24,481     | 1,364  | 0.41                     | 7.44    | 10,150  |
| 21  | HPG | Thép            | 32.8%         | 38.4%       | 11.0%            | 8.4%             | 12.6%                 | 6.4%                  | 17,096     | 2,021  | 1.30                     | 10.98   | 22,200  |
| 22  | HT1 | Xi măng         | 278.5%        | 413.6%      | 4.6%             | 4.3%             | 5.5%                  | 3.5%                  | 13,336     | 718    | 0.96                     | 17.76   | 12,750  |
| 23  | KBC | Bất động sản    | 54.8%         | 2477.5%     | 23.2%            | 40.3%            | 9.1%                  | 3.8%                  | 28,399     | 2,365  | 0.97                     | 11.69   | 27,650  |
| 24  | KDH | Bất động sản    | 692.5%        | 101.7%      | 47.9%            | 43.7%            | 5.2%                  | 3.2%                  | 18,865     | 1,456  | 0.98                     | 12.64   | 18,400  |
| 25  | LCG | Xây dựng        | 9.6%          | 130.2%      | 7.1%             | 4.7%             | 5.7%                  | 2.2%                  | 13,112     | 723    | 0.55                     | 9.90    | 7,160   |
| 26  | MCH | Thực phẩm       | -18.9%        | -11.1%      | 22.6%            | 22.7%            | 44.5%                 | 21.6%                 | 17,480     | 6,336  | 8.12                     | 22.41   | 142,000 |
| 27  | MML | Thực Phẩm       | 419.5%        | 79.6%       | 4.3%             | 6.3%             | 11.6%                 | 5.0%                  | 15,282     | 1,819  | 1.93                     | 16.22   | 29,500  |
| 28  | MSH | Hàng May mặc    | 54.2%         | 17.4%       | 12.2%            | 14.6%            | 28.7%                 | 13.3%                 | 19,626     | 5,962  | 1.56                     | 5.12    | 30,550  |
| 29  | MSN | Thực phẩm       | 43.4%         | 48.4%       | 8.8%             | 9.9%             | 9.6%                  | 3.0%                  | 29,647     | 4,448  | 2.37                     | 15.78   | 70,200  |
| 30  | MSR | Khai khoáng     | 101.5%        | 207.9%      | 0.3%             | 9.3%             | 0.1%                  | 0.0%                  | 11,076     | 10     | 4.09                     | 4411.80 | 45,300  |
| 31  | MWG | Bán lẻ          | 121.4%        | 144.9%      | 4.5%             | 4.9%             | 23.0%                 | 9.1%                  | 22,575     | 4,814  | 3.36                     | 15.77   | 75,900  |
| 32  | NAF | Nước trái cây   | 55.8%         | 26.3%       | 7.0%             | 7.6%             | 16.5%                 | 6.7%                  | 11,491     | 2,140  | 4.21                     | 22.60   | 48,350  |
| 33  | NLG | Bất động sản    | 679.5%        | -62.1%      | 12.5%            | 29.6%            | 4.8%                  | 2.5%                  | 30,559     | 1,951  | 0.80                     | 12.51   | 24,400  |
| 34  | NT2 | Điện            | 383.5%        | 641.4%      | 11.1%            | 21.9%            | 25.0%                 | 12.6%                 | 16,880     | 3,926  | 1.24                     | 5.35    | 21,000  |
| 35  | NTP | VLXD            | 49.9%         | -6.3%       | 16.0%            | 10.8%            | 25.1%                 | 14.8%                 | 24,742     | 5,805  | 2.04                     | 8.68    | 50,400  |
| 36  | PLX | Dầu khí         | 441.0%        | 14.2%       | 0.8%             | 0.9%             | 9.2%                  | 3.2%                  | 22,781     | 2,305  | 1.60                     | 15.79   | 36,400  |
| 37  | POW | Điện            | 109.2%        | 585.3%      | 12.1%            | 7.9%             | 6.5%                  | 2.8%                  | 13,307     | 1,019  | 0.99                     | 12.90   | 13,150  |
| 38  | PVS | Dầu khí         | 73.3%         | 73.5%       | 3.5%             | 9.9%             | 11.8%                 | 5.0%                  | 31,694     | 3,722  | 1.23                     | 10.50   | 39,100  |
| 39  | QNS | Đường           | -28.4%        | -2.8%       | 14.2%            | 22.4%            | 18.6%                 | 13.6%                 | 28,956     | 5,231  | 1.62                     | 8.95    | 46,800  |
| 40  | SBT | Đường           | -13.0%        | -19.2%      | 3.7%             | 2.8%             | 6.7%                  | 2.2%                  | 13,938     | 866    | 1.63                     | 26.27   | 22,750  |
| 41  | SHB | Ngân hàng       | 49.8%         | 8.3%        | 40.7%            | 39.0%            | 19.1%                 | 1.5%                  | 14,800     | 2,605  | 0.80                     | 4.57    | 11,900  |
| 42  | SIP | Bất động sản    | 21.7%         | 6.3%        | 17.1%            | 17.4%            | 25.3%                 | 5.0%                  | 24,181     | 6,303  | 2.07                     | 7.93    | 50,000  |
| 43  | STB | Ngân hàng       | 31.8%         | -176.5%     | 33.0%            | -35.8%           | 10.3%                 | 0.7%                  | 31,756     | 3,150  | 2.31                     | 23.33   | 73,500  |
| 44  | TCB | Ngân hàng       | 14.2%         | 104.1%      | 46.4%            | 47.2%            | 15.4%                 | 2.3%                  | 25,331     | 3,663  | 1.35                     | 9.31    | 34,100  |
| 45  | TCM | Hàng May mặc    | -21.4%        | -24.2%      | 7.1%             | 5.4%             | 11.4%                 | 6.7%                  | 21,823     | 2,419  | 0.79                     | 7.15    | 17,300  |
| 46  | TRC | Cao su          | 60.4%         | -68.8%      | 49.0%            | 15.2%            | 13.1%                 | 11.5%                 | 69,312     | 8,669  | 1.27                     | 10.15   | 88,000  |
| 47  | VCB | Ngân hàng       | 5.3%          | 0.7%        | 50.0%            | 45.0%            | 16.6%                 | 1.6%                  | 27,231     | 4,213  | 2.21                     | 14.27   | 60,100  |
| 48  | VGI | Hàng May mặc    | 56.0%         | 57.7%       | 7.1%             | 8.4%             | 9.1%                  | 4.4%                  | 20,090     | 2,666  | 0.58                     | 4.35    | 11,600  |
| 49  | VHC | Thủy sản        | 33.5%         | -43.4%      | 13.1%            | 9.0%             | 14.4%                 | 10.6%                 | 44,495     | 6,465  | 1.18                     | 8.09    | 52,300  |
| 50  | VJC | Hàng không      | -43.9%        | 43618.4%    | 1.9%             | 1.7%             | 10.1%                 | 1.8%                  | 42,005     | 3,589  | 3.01                     | 35.24   | 126,500 |
| 51  | VNM | Sản phẩm từ sữa | 4.5%          | 31.7%       | 14.8%            | 16.6%            | 26.6%                 | 17.4%                 | 16,499     | 4,504  | 3.79                     | 13.88   | 62,500  |
| 52  | VPB | Ngân hàng       | 76.8%         | 61.1%       | 36.6%            | 36.2%            | 14.6%                 | 2.2%                  | 22,722     | 3,070  | 1.21                     | 8.93    | 27,400  |
| 53  | VTP | Vận tải         | -20.2%        | 17.3%       | 1.7%             | 2.6%             | 24.1%                 | 5.8%                  | 14,519     | 3,348  | 3.69                     | 16.01   | 53,600  |

Tín hiệu kỹ thuật

| Mã  | Thời gian              | Mẫu nến           | Giá cổ phiếu |
|-----|------------------------|-------------------|--------------|
| DVN | 27/08/2026 15:00:00 PM | Bullish Engulfing | 18.4         |
| PNJ | 27/08/2026 15:00:00 PM | Bearish Engulfing | 41.9         |
| MSB | 27/08/2026 15:00:00 PM | Bullish Engulfing | 15.7         |

## Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.